TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **31**/2018/QĐST -HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 29 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 10A, đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L, hiện trú: Số 4/1, đường N, Phường f, thành phố Đ, tỉnh L và ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1966, địa chỉ: 10A, đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa*:* Bà Phạm Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc Bảo A, sinh ngày 03/4/1992 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bảo Nhựt A, sinh ngày 23/5/2004.

Ly hôn bà C và ông S thỏa thuận giao con chung Nguyễn Bảo Nhựt A cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, anh S không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

Về án phí: Bà Phạm Thị Kim C thỏa thuận chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004340 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ). Hoàn trả cho bà C 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh L;
- VKSND thành phố Đ;
- Đương sự;
- UBND Phường D, thành phố Đ, tỉnh L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Điền